

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **455/2018/DS-ST**;

Ngày: 22/11/2018;

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Xuân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phúc Viễn**

Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 395/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 510/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **NGUYỄN THỊ T** – sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **LÊ THỊ HỒNG T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **NGUYỄN THÀNH C** – sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt; anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện ủy quyền chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Từ năm 2010 đến năm 2012, anh C có nhiều lần mua thuốc bảo vệ thực vật tại cửa hàng của bà T. Khi mua bán hai bên không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng là bà T sẽ cung cấp thuốc bảo vệ thực vật trước, khi nào anh C thu hoạch, bán hoa màu sẽ trả tiền lại bà T. Đến ngày 17/7/2012 hai bên chốt nợ thì anh C còn nợ bà T số tiền 20.079.000 đồng, hai bên đã lập biên nhận do anh C viết và ký tên. Sau đó vào ngày 30/12/2013 anh C có trả cho bà T được 4.000.000 đồng, hiện anh C còn nợ bà T số tiền 16.079.000 đồng dù bà T nhiều lần đòi nhưng anh C chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh C trả số tiền 16.079.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thành C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Thành C trả số tiền 16.079.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là “Đòi lại tài sản”.

[1] Xét bị đơn anh Nguyễn Thành C đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh C.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2010 đến năm 2012, bà T có bán thuốc bảo vệ thực vật cho anh C, hai bên không lập hợp đồng mua bán chỉ thỏa thuận miệng là bà T sẽ cung cấp thuốc bảo vệ thực vật trước, khi nào anh C thu hoạch, bán hoa màu sẽ trả tiền cho bà T. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà T và anh C đã xác lập một hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005. Đến ngày 17/7/2012 hai bên chốt nợ thì anh C còn nợ bà T số tiền 20.079.000 đồng, sau đó ngày 30/12/2013 anh C có trả cho bà T số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại 16.079.000 đồng. Nên bà T đã khởi kiện yêu cầu anh C trả số tiền 16.079.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà T có cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ do anh C viết và ký tên, phía anh C đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy anh C đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh C còn nợ bà T số tiền 16.079.000 đồng.

Tuy nhiên, từ ngày 30/12/2013 cho đến nay anh C không trả cho bà T khoản tiền nào, tính đến 30/12/2016 là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Phía anh C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc anh C có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc anh C trả cho bà T số tiền 16.079.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu anh C trả tiền lãi.

Về thời gian trả: Xét việc bà T yêu cầu anh C trả số tiền 16.079.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, vì anh C đã nợ bà T khoản tiền này quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, nên Hội đồng xét xử buộc anh C trả cho bà T số tiền 16.079.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh Nguyễn Thành C phải chịu án phí theo quy định.

[3] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Điều 429, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 280, Điều 290, Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012.
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc anh Nguyễn Thành C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 16.079.000 đồng (*Mười sáu triệu không trăm bảy mươi chín ngàn đồng*). Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Thành C không trả số tiền trên thì hàng tháng anh C phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Anh Nguyễn Thành C phải chịu 804.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T 402.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015203 ngày 02/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án . Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân

